TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2021/HSST
Ngày 21 tháng 10 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông L Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vương Thị Dung – Giáo viên Trường tiểu học Nguyễn Khuyến;

2/ Bà Nguyễn Thị Liệu – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2021/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Xuân L – sinh năm 1968 tại Nam Định.

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Trần Thị M – sinh năm 1933; Vợ: Cao Thị Q - sinh năm 1973 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005); Tiền sự: Không;

* Tiền án:

- Tại Bản án số 11/2008/HSST ngày 21/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt ngày 18/02/2009.

- Tại Bản án số 286/2011/HSPT ngày 26/12/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Tại Bản án số 26/2012/HSPT ngày 12/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 6 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 286/2011/HSPT ngày 26/12/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo Phạm Xuân L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm 06 tháng tù. Đã chấp hành xong bản án ngày 28/01/2019.

* Về nhân thân:

- Tại Bản án số 32 ngày 25/8/1986 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản XHCN".

- Tại Bản án số 13/HSST ngày 27/01/1988 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt:

+ 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản XHCN".

+ 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

+ 09 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam".

Buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt tù treo của bản án sơ thẩm số 32 ngày 25/8/1986 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 3 năm 2 tháng 22 ngày.

- Tại Bản án số 24-HS ngày 18/7/1990 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích".

- Tại Bản án số 09/HSPT ngày 05/4/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 30 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

- Tại Bản án số 136/HSST ngày 16/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 6 tháng tù về tội "Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng.

- Tại Bản án số 19/HSST ngày 16/9/2003 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt ngày 27/02/2004.

Bị bắt tạm giam ngày 04/02/2021 đến nay "có mặt".

- *Người làm chứng:*

1/ L Mỹ T – sinh ngày 20/7/2004, cư trú tại số 91/2 T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ L Huỳnh Đ – sinh năm 1997, cư trú tại ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3/ Nguyễn Hoàng N – sinh năm 1995, cư trú tại 11/16ấp 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/01/2019, sau khi chấp hành xong bản án 10 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", L về sinh sống và cùng gia đình kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ mang tên M tại ấp B, xã P. Khoảng từ tháng 11/2020 đến khi bị bắt, L bắt đầu sử dụng ma túy đá (ma túy tổng hợp).

Vào khoảng 12 giờ ngày 04/02/2021, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên L điều khiển xe mô tô biển số 60B4-827.96 đi đến khu vực xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và gặp 01 đối tượng tên gọi là "T" mua 05 bịch ma túy đá với giá 950.000đ. L mang số ma túy trên đi về nhà nghỉ N ở ấp P, xã P, huyện Đ để sử dụng.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Công an huyện Định Quán phối hợp với Công an xã P đã bắt quả tang Phạm Xuân L đang có hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tang vật thu giữ là:

- 05 (năm) bịch nylon được hàn kín bên trong có tinh thể màu trắng, thu giữ trên người của Phạm Xuân L; đã được niêm phong, có chữ ký ghi họ tên Phạm Xuân L, người chứng kiến Lê Thành Đ và có dấu mộc Công an xã P. Vật chứng được niêm phong mang ký hiệu M1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung gắn sim số 0963 448705 và 0977 058605.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Winner gắn biển số 60B4-827.96.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà của Phạm Xuân L ở ấp B, xã P, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 04 (bốn) bịch nylon được hàn kín bên trong có tinh thể màu trắng, thu giữ dưới gầm tủ tại phòng bếp trong nhà của Phạm Xuân L; đã được niêm phong, có chữ ký ghi họ tên Phạm Xuân L, người chứng kiến Lê Thành Đại và có dấu mộc Công an xã P. Vật chứng được niêm phong mang ký hiệu M2.

- 05 (năm) nỏ thủy tinh.

- 01 (một) bọc nylon bên trong chứa các bọc nylon nhỏ hơn; 01 (một) ổ cứng (bộ nhớ) camera.

Tại Bản kết luận giám định số 319/KLGĐ- PC09 ngày 08/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh Đồng Nai xác định:

1/ Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong mang ký hiệu M1 là ma túy Methamphetamine có khối lượng: 1,07047 gam.

2/ Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong mang ký hiệu M2 là ma túy Methamphetamine có khối lượng: 2,29381 gam.

Đối với 2,29381 gam Methamphetamine mà Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà của L, quá trình điều tra L khai nhận: Vào khoảng giữa tháng 12/2020, L mua 05 bịch ma túy ma túy đá của đối tượng "T" tại khu vực xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất với 1.800.000đ để sử dụng. L đã sử dụng hết 01 bịch, còn 04 bịch L cất giấu trong nhà để sử dụng cho bản thân. Sau đó, do cãi vã với vợ nên L bỏ đi khỏi nhà một thời gian, khi quay về nhà thì L đã quên việc cất giấu 04 bịch ma túy trên.

Tiến hành mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã xác định được trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 01/2021, Phạm Xuân L đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy (ma túy đá) cho các đối tượng nghiện ma túy. Cụ thể như sau:

- Vào khoảng tháng 6/2020, Lê Mỹ T cùng S, P, N và bạn của N (do quen biết ngoài xã hội nên T không rõ nhân thân, địa chỉ của những người này) đã đi đến nhà nghỉ M thuê phòng nhằm sử dụng ma túy. Tại đây, đối tượng Tư L đã chủ động hỏi và bán cho T cùng nhóm bạn 01 bịch ma túy đá với giá 200.000đ. T cùng nhóm bạn sử dụng hết số ma túy tại nhà nghỉ M. Khoảng 02 tuần sau, T, N và bạn của N đến mua của L 01 bịch ma túy đá với giá 200.000đ và sử dụng tại nhà nghỉ M.

- Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến cuối tháng 01/2021, Lê Huỳnh Đ đã 05 lần mua ma túy đá của đối tượng Tư L tại nhà nghỉ M, mỗi lần là 200.000đ/1 bịch. Trong đó, 03 lần Đ mang ma túy về nhà sử dụng và 02 lần Đ sử dụng ma túy tại nhà nghỉ M cùng với L. Ngoài ra, có 01 lần Đ xác định đã mượn xe mô tô Air Blade màu vàng – đen của Nguyễn Hoàng N và cùng N đi đến nhà nghỉ M và mua 200.000đ/1 bịch ma túy đá của L. Số ma túy này, Đ và N mang về nhà N sử dụng hết.

Qua làm việc, Nguyễn Hoàng N đã xác nhận lời khai trên của Lê Huỳnh Đ là đúng. Ngoài ra, N khai nhận sau thời điểm cùng đi mua ma túy với Đ như đã nêu trên được 01 tuần, trong lúc N đang ngồi trước nhà ở ấp 1, xã S thì gặp Tư L đi ngang qua. N mua của L 02 bịch ma túy đá với giá là 350.000đ và N đã sử dụng hết.

Qua nhận dạng, Lê Mỹ T, Nguyễn Hoàng N đều xác định đối tượng Tư L chính là Phạm Xuân L. Tiến hành đối chất giữa Phạm Xuân L với Lê Mỹ T và Nguyễn Hoàng N thì L xác định bản thân L không quen biết, không có mâu thuẫn với T và N. Tuy nhiên, L phủ nhận việc bán ma túy cho T, N và L không ký vào biên bản đối chất (bút lục số 40 đến 43, 60 đến 71, 78 đến 81).

Tiến hành đối chất giữa Phạm Xuân L với Lê Huỳnh Đ thì L xác định có quen biết với Đ và không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Đ như Đ đã khai mà cho

rằng: Cuối tháng 12/2020, khi Đ đến thuê phòng số 11 tại nhà nghỉ M, L đã nhận 200.000đ của Đ và đi đến khu vực xã G, huyện T gặp Móm (L không rõ nhân thân, địa chỉ) mua được 01 bịch ma túy đá. Số ma túy này, L mang về đưa cho Đ và được Đ cho sử dụng chung. Sau đó vào khoảng 04-05 ngày, Đ đưa 200.000đ cho L và L đi đến khu vực xã G, huyện T gặp T mua được 01 bịch ma túy. Số ma túy này, Đ cũng cho L sử dụng chung. Tuy nhiên, L không đồng ý ký vào biên bản đối chất với Đ với lý do là không đồng ý với lời khai của Đ (bút lục số 38, 39, 50 đến 59, 74 đến 77, 100, 170 đến 178).

Trong quá trình điều tra, L nhiều lần có thái độ thiếu hợp tác với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, không đồng ý ký vào biên bản đối chất; không đồng ý làm việc với Cơ quan điều tra và với Viện kiểm sát.

Tại bản Cáo trạng số 92/CT-VKSĐQ ngày 01 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán đã truy tố bị cáo Phạm Xuân L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm b và điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, việc tranh tụng diễn ra như sau:

1/ Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị: Áp dụng điểm b và điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù; Áp dụng điểm b, điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 năm 10 năm tù.

Kiểm sát viên còn nêu quan điểm xử lý vật chứng và án phí bị cáo phải chịu.

2/ Bị cáo Phạm Xuân L thừa nhận tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Định Quán, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Phạm Xuân L và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo Phạm Xuân L:

Tại phiên tòa hôm nay, qua phần tranh tụng, kết hợp lời khai của người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 14 giờ ngày 04/02/2021, tại nhà nghỉ N ở ấp P, xã P, huyện Đ, Công an huyện Định Quán phối hợp với Công an xã P đã bắt quả tang Phạm Xuân L đang có hành vi tàng trữ 1,07047 gam Methamphetamine và thu giữ tại nhà của L 2,29381 gam Methamphetamine. Số ma túy này (3,36428 gam Methamphetamine) là của Phạm Xuân L cất giấu với mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo Phạm Xuân L đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở Ln" và "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm b và điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 01/2021, Phạm Xuân L đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy là Lê Mỹ T, Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Hoàng N. Qua đối chất, nhận dạng, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Bị cáo Phạm Xuân L đã 05 lần bán ma túy cho Đ; 02 lần bán ma túy cho Linh và 01 lần bán ma túy cho N.

Bị cáo thừa nhận chỉ 02 lần mua giúp ma túy cho Lê Huỳnh Đ và được Đ trả công bằng cách cho sử dụng chung ma túy. Tuy nhiên, hành vi này của bị cáo chính là hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bỡi lẽ theo Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của BLHS năm 1999 được hiểu là một trong các trường hợp sau: *"Hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác"*.

Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Xuân L đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở Ln", "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm b, điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán truy tố bị cáo về các tội danh trên là chính xác, có căn cứ, đúng người, đúng tội, không làm oan cho bị cáo.

[3] Mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Xét thấy: Ma túy là hiểm họa của mọi người, mọi nhà; là loại chất cấm lưu hành, do nhà nước độc quyền quản lý; bị cáo Phạm Xuân L nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội nhưng không quyết tâm từ bỏ mà lại tàng trữ trái phép chất ma túyvới số lượng lớn để sử dụng và bán lại cho người khác. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng phạt và giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Phạm Xuân L thì thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo phạm 02 tội nên Tòa án sẽ lượng hình đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- 01 gói niêm phong vụ số 319/KLGĐ- PC09 ngày 08/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai và 05 (năm) nỏ thủy tinh là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với Lê Mỹ T, Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Hoàng N là những người sử dụng ma túy, Công an huyện Định Quán đã lập hồ sơ và thông báo, bàn giao cho chính quyền địa phương để quản lý là đúng quy định.

- Đối tượng T, M đã bán ma tuý cho bị cáo L: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra xử lý sau.

- Đối với xe mô tô biển số 60B4-827.96, quá trình điều tra xác định do bà Cao Thị Q đứng tên chủ sở hữu và bà Q không biết việc Phạm Xuân L sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Q

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung gắn sim số 0963448705 và 0977058605 đã thu giữ của bị cáo Phạm Xuân L, qua kiểm tra không có thông tin liên quan đến hành vi phạm tội của L nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho gia đình L.

- Đối với 01 ổ cứng (bộ nhớ) của camera đã thu giữ tại nhà nghỉ M: Do bộ nhớ chưa được kích hoạt chế độ lưu trữ nên không có hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của L. Cơ quan điều tra đã trao trả cho vợ bị cáo bà Cao Thị Q là đúng (bút lục số: 36, 82 đến 85, 186 đến 191).

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b điểm o khoản 2 Điều 249; điểm b điểm q khoản 2 Điều 251; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân L 06 (sáu) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2021.

3/ Về biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong mẫu vật ma túy sau giám định số 319/KLGĐ- PC09 ngày 08/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai và 05 (năm) nỏ thủy tinh.

(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2021).

4/ Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND huyện Định Quán.
- Công an huyện Định Quán.
- Chi cục THADS huyện Định Quán.
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ, VP.

L Xuân Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND huyện Định Quán.
- Công an huyện Định Quán.
- Chi cục THADS huyện Định Quán.
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ, VP.

L Xuân Hòa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND huyện Định Quán.
- Công an huyện Định Quán.
- Chi cục THADS huyện Định Quán.
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ, VP.

L Xuân Hòa